

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/DS-ST.

Ngày: 05-9-2019.

V/v tranh chấp dân sự đòi lại tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Kim Vân

2. Bà Phan Thị Mướt

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 05/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2019/TLST-DS, ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc: “Tranh chấp dân sự đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2019/QĐXXST-DS ngày 29/7/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2019/QĐST – DS ngày 20/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp 3, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Đinh Đăng Đ, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp 3, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: Ấp 4, xã Ph, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà H có mặt, ông Đ vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị Bé H là nguyên đơn trình bày:**

Ngày 26/11/2012, bà H cho ông Đ vay số tiền 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng), có biên nhận. Mục đích vay tiền là để mua phà, máy bơm để bơm bùn.

Ngày 26/12/2012, ông Đ đã trả cho bà H số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu

đồng), ông Đ còn nợ lại 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng). Bà H đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Đ vẫn chưa trả.

Nay bà Nguyễn Thị Bé H yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Buộc ông Đinh Đăng Đ có trách nhiệm hoàn trả cho bà H số tiền gốc là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

**Bị đơn ông Đinh Đăng Đ:** Đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng ông vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bên cạnh đó ông cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau: Biên nhận 26/11/2012 (bản chính).

Các tình tiết không phải chứng minh: Bị đơn ông Đinh Đăng Đ đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông Đ vẫn không có ý kiến phản đối những tình tiết, tài liệu mà nguyên đơn cung cấp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Vào năm 2012, bà Nguyễn Thị Bé H có cho ông Đinh Đăng Đ vay số tiền 17.000.000 đồng, ông Đ đã trả 6.000.000 đồng, còn lại 11.000.000 đồng. Nguyên đơn xác định do hợp đồng vay tiền giữa hai bên đã hết thời hiệu khởi kiện, nên bà H chỉ yêu cầu ông Đ phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 11.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Như vậy, xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp dân sự đòi lại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Ngoài ra, do địa chỉ của bị đơn ở huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đinh Đăng Đ đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đinh Đăng Đ.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội thẩm nhân dân tham gia phiên tòa là bà Hồ Thị Mai Hương, ông Phạm Phước Tâm, bà Võ Thị Diệp, ông Trần Văn Bé Hai, bà Lương Thị Kim Vân. Tuy nhiên bà Hồ Thị Mai Hương, ông Phạm Phước Tâm, bà Võ Thị Diệp, ông Trần Văn Bé Hai có công tác đột xuất

nên bà Phan Thị Mướt thay đổi cho các vị trên. Đương sự có mặt đồng ý về sự thay đổi Hội thẩm nhân dân và không yêu cầu thay đổi ai nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

**[2]Về nội dung:**

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bé H yêu cầu ông Đinh Đăng Đ trả lại cho bà số tiền là 11.000.000 đồng. Bà H chứng minh bằng: Biên nhận ngày 26/11/2012 (bản chính)

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo kết quả chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp nhưng ông Đ vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, đồng thời ông Đ cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Căn cứ vào khoản 1, 2 và 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự có thể khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ.

Như vậy, việc ông Đinh Đăng Đ có vay của bà Nguyễn Thị Bé H số tiền 17.000.000 đồng như đã nói trên là có thật. Sau khi vay tiền đến nay đã trả cho bà H số tiền là 6.000.000 đồng, còn nợ lại bà H số tiền là 11.000.000 đồng và cho đến nay, ông Đ vẫn chưa trả được số tiền nói trên cho bà H như đã thỏa thuận.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của bà H là có căn cứ, nên chấp nhận. Bởi lẽ căn cứ vào khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.”*

Về lãi suất: Nguyên đơn xác định do hợp đồng vay tiền giữa hai bên không thỏa thuận lãi và đã hết thời hiệu khởi kiện nên bà H chỉ đòi lại số tiền chưa trả là 11.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là phù hợp, nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé H.

Về án phí: Ông Đinh Đăng Đ có trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Cụ thể, số tiền án phí được tính như sau: 11.000.000 đồng x 5% = 550.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 166 Bộ Luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bé H.

Buộc ông Đinh Đăng Đ trả cho bà Nguyễn Thị Bé H số tiền là 11.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Ông Đinh Đăng Đ có trách nhiệm chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 550.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Bé H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006911 ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng ông Đinh Đăng Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Ngọc Minh**